



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadingh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdongvn.com

Số/No.: 24.04.10 /TN – 26

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED Panel đổi màu PT05 110/9W
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái
Quantity of samples
- Ký hiệu: PT05 110/9W
Model
- Mã số mẫu: 24.04.10.26
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 10/ 04/ 2024
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02
Result

Thử nghiệm viên/Tester
(Họ tên và chữ ký/name and signature)


Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 18/ 04/ 2024
KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh
VILAS 126

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Test Results**

TT/ No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Yêu cầu Requirement	Kết quả Result		
1	Ghi nhãn		TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014	Rõ ràng, đủ độ bền	Đạt		
2	Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ (20 ÷ 30) °C, độ ẩm tương đối (91 ÷ 95) %RH.		TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014				
2.1	Điện trở cách điện	MΩ		≥ 4	> 200		
2.2	Thử nghiệm độ bền điện áp 1 440 V/1 phút, tần số 50 Hz			Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng	Đạt		
3	Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz				6500K	5000K	4000K
3.1	Công suất	W		≤ 9 + 10%	8,10	7,84	8,12
3.2	Dòng điện	mA		--	70,3	68,4	70,1
3.3	Hệ số công suất			≥ 0,5 – 0,05	0,523	0,520	0,525
3.4	Quang thông	lm					
	• 6500K			≥ 600 – 10%	839		
	• 5000K			≥ 680 – 10%		930	
	• 4000K			≥ 580 – 10%			889
3.5	Hiệu suất phát sáng	lm/W					
	• 6500K			≥ 67 – 20%	103,5		
	• 5000K			≥ 75 – 20%		118,6	
	• 4000K			≥ 64 – 20%			109,5
3.6	Nhiệt độ màu tương quan (CCT)	K		--	6 011	4 617	3 682
3.7	Chỉ số thể hiện màu (CRI)			≥ 80 – 3	82,9	82,8	80,4